TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST Ngày 09-4-2025 V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Thái Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Long Khánh

2. Ông Lý Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc: " Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Duy T, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Bà Đồng Thị N, sinh năm 1984. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02-01-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Duy T trình bày:

Ông và bà Đồng Thị N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 21/8/2007. Qúa trình chung sống, thời gian đầu

hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông và bà N đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy việc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Đồng Thị N.

Về con chung: Qúa trình chung sống, ông và bà N có 02 con chung tên Lê Thành Nh (nam), sinh ngày 10/7/2012 và Lê Kiều D (nữ), sinh ngày 30/10/2008. Khi ly hôn, ông và bà N thống nhất giao cả hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 17/3/2025 (có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên), bà Đồng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông Lê Duy T.

Về con chung: Qúa trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung tên Lê Thành Nh (nam), sinh ngày 10/7/2012 và Lê Kiều D (nữ), sinh ngày 30/10/2008. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà N.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Duy T với bà Đồng Thị N; Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thành Nh (nam), sinh ngày 10/7/2012 và Lê Kiều D (nữ), sinh ngày 30/10/2008 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Đồng Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà N là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 02/01/2025, ông Lê Duy T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đồng Thị N nên xác định đây là loại kiện "Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà N có địa chỉ cư trú tại huyện Thới Lai nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2007, quyển số 01 vào ngày 21/8/2007 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, ông T cho rằng do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay nên ông xin ly hôn với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà N không đến và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, điều đó chứng tỏ bà N không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã thực sự trầm trọng. Thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về nuôi con chung: Ông T và bà N có 02 con chung tên Lê Thành Nh (nam), sinh ngày 10/7/2012 và Lê Kiều D (nữ), sinh ngày 30/10/2008. Ông T và bà N thống nhất giao cả hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nh và cháu D có nguyện vọng sống với bà N. Hiện tại, hai cháu cũng đang sống ổn định với bà N. Do đó để tránh làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu nên giao cháu Nh và cháu D cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ông T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, tại bản tự khai ngày 17/3/2025 bà N cũng trình bày là không yêu cầu

ông T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của cháu Nh và cháu D các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà N xác định là không có nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Duy T đối với bà Đồng Thị N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao 02 con chung tên Lê Thành Nh (nam), sinh ngày 10/7/2012 và Lê Kiều D (nữ), sinh ngày 30/10/2008 cho bà Đồng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Nh và cháu D, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T và bà N xác định là không có nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Lê Duy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu số 0004716 ngày 16/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, ông T không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- UBND xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thái Minh Ngọc